ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1410/BNG-LPQT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2025*

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan ký tại Hà Nội ngày 21 tháng 8 năm 2023, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2025.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi Quý Cơ quan bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ LUẬT PHÁP
VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Phú

HIỆP ĐỊNH
VỀ CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ NƯỚC CỘNG HÒA CA-DẮC-XTAN

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan (sau đây gọi là "các Bên"),

Trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng,

Phù hợp với các điều ước quốc tế mà hai nước là thành viên,

Mong muốn tăng cường hợp tác tư pháp giữa hai nước,

Với mục đích để người bị kết án chấp hành bản án tại nước họ mang quốc tịch nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho họ tái hòa nhập cộng đồng,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1
Định nghĩa

Để thực hiện Hiệp định này, những khái niệm sau được sử dụng:

(a) "Bên chuyển giao" là Bên từ đó người bị kết án có thể hoặc đã được chuyển giao;

(b) "Bên nhận" là Bên người bị kết án có thể hoặc đã được chuyển giao đến;

(c) "Người bị kết án" là người đã bị kết án phạt tù có thời hạn hoặc tù chung thân theo bản án cuối cùng do tòa án của một trong các Bên đã tuyên.

Điều 2
Quy định chung

Theo quy định của Hiệp định này, các Bên có thể chuyển giao cho nhau những người bị kết án để thi hành trên lãnh thổ của Bên nhận bản án mà Bên chuyển giao đã tuyên.

Điều 3

Cơ quan trung ương

1. Để thực hiện Hiệp định này, các Bên sẽ liên lạc trực tiếp với nhau thông qua các Cơ quan trung ương được chỉ định.

2. Các Cơ quan trung ương nêu tại khoản 1 Điều này là Bộ Công an của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Văn phòng Tổng Công tố của nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan. Khi một trong hai Bên thay đổi các Cơ quan trung ương đã được chỉ định hoặc chuyển chức năng đến các cơ quan nhà nước khác thì phải thông báo cho Bên kia về sự thay đổi đó bằng văn bản thông qua kênh ngoại giao.

Điều 4

Điều kiện chuyển giao

1. Một người bị kết án có thể được chuyển giao chỉ khi:

(a) Người bị kết án là công dân của Bên nhận;

(b) Người đó bị kết án vì những hành vi cũng cấu thành tội phạm theo pháp luật quốc gia của Bên nhận;

(c) Tại thời điểm nhận được yêu cầu chuyển giao, hình phạt đã tuyên đối với người bị kết án đã có hiệu lực thi hành và thời gian còn lại phải chấp hành hình phạt của người bị kết án ít nhất là một năm;

(d) Bản án đối với người bị kết án đã có hiệu lực pháp luật và không còn thủ tục tố tụng hình sự nào đối với người đó ở Bên chuyển giao;

(e) Việc chuyển giao phải có sự đồng ý bằng văn bản của người bị kết án hoặc người đại diện theo pháp luật của người bị kết án khi xem xét độ tuổi, tình trạng thể chất hoặc tinh thần của người bị kết án; và

(f) Cả hai Bên đều đồng ý với việc chuyển giao.

2. Trong những trường hợp đặc biệt, các Bên có thể đồng ý chuyển giao người bị kết án ngay cả khi thời gian chấp hành hình phạt còn lại của người bị kết án là ít hơn so với quy định tại điểm (c) khoản 1 của Điều này.

Điều 5

Từ chối chuyển giao

1. Việc chuyển giao người bị kết án có thể bị từ chối khi:

(a) Một Bên cho rằng việc chuyển giao sẽ gây nguy hại cho chủ quyền, an ninh hoặc trật tự công cộng hoặc trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc gia của mình;

(b) Vẫn còn các thủ tục tố tụng về dân sự và hành chính đang chờ được tiến hành đối với người bị kết án ở lãnh thổ của Bên chuyển giao;

(c) Hình phạt không thể thực thi ở lãnh thổ của Bên nhận vì lí do tình trạng thời hiệu.

2. Mỗi Bên có thể tự quyết định có hay không chấp thuận yêu cầu chuyển giao của Bên kia ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều này.

3. Việc từ chối chuyển giao phải có lí do và lí do từ chối chuyển giao phải được thông báo cho Bên kia.

Điều 6

Yêu cầu và trả lời

1. Người bị kết án hoặc đại diện theo pháp luật của người đó có thể nộp đơn đến một trong các Bên để được chuyển giao theo Hiệp định này. Bên đã nhận được đơn xin chuyển giao sẽ thông báo cho Bên kia về việc đó bằng văn bản.

2. Yêu cầu chuyển giao người bị kết án có thể do một trong các Bên đưa ra. Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Bên yêu cầu quyết định của mình về việc có đồng ý với yêu cầu chuyển giao hay không.

3. Các yêu cầu và trả lời về chuyển giao người bị kết án phải được làm bằng văn bản.

Điều 7

Các tài liệu cần thiết

1. Trường hợp một Bên có yêu cầu chuyển giao và trừ khi Bên kia đã từ chối yêu cầu, Bên chuyển giao phải cung cấp cho Bên nhận những thông tin sau:

(a) Ngày, tháng, năm và địa điểm lập văn bản;

(b) Lý do yêu cầu chuyển giao người bị kết án;

(c) Tên và địa chỉ của cơ quan có yêu cầu chuyển giao người bị kết án;

(d) Tên và địa chỉ của cơ quan được yêu cầu chuyển giao người bị kết án;

(e) Họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, quốc tịch và nơi thường trú cuối cùng của người được yêu cầu chuyển giao.

2. Kèm theo văn bản yêu cầu chuyển giao người bị kết án phải có:

(a) Bản sao có xác nhận của bản án đã có hiệu lực, bao gồm cả các quy định pháp luật quốc gia có liên quan dùng làm căn cứ;

(b) Thông tin về loại và thời hạn của hình phạt cũng như ngày bắt đầu thi hành hình phạt;

(c) Thông tin về các phần hình phạt đã chấp hành và đang chấp hành, kể cả tạm giam và các thông tin về chuyển đổi hình phạt và các thông tin khác có liên quan đến việc thi hành hình phạt;

(d) Văn bản đồng ý đối với việc chuyển giao theo quy định tại khoản 1(e), Điều 4 của Hiệp định này;

(e) Thông tin về tình trạng sức khỏe của người bị kết án;

(f) Thông tin về quá trình cải tạo của người đó trong thời gian thi hành án;

(g) Tài liệu chứng minh người bị kết án có đầy đủ điều kiện quy định tại Điều 4 của Hiệp định này;

(h) Tài liệu mô tả đặc điểm nhận dạng và ảnh của người được yêu cầu chuyển giao.

3. Bên nhận cung cấp cho Bên chuyển giao những tài liệu sau:

(a) Tài liệu xác nhận người bị kết án là công dân của Bên nhận;

(b) Các điều luật của Bên nhận chỉ ra rằng tội phạm làm căn cứ tuyên hình phạt đối với người bị kết án phải bị xử lý hình sự;

(c) Thông tin về các thủ tục thi hành hình phạt do Bên chuyển giao tuyên theo quy định pháp luật quốc gia của Bên nhận.

Điều 8

Thông báo cho người bị kết án

1. Mỗi Bên, trong phạm vi lãnh thổ của mình, sẽ thông báo cho những

người bị kết án thuộc phạm vi áp dụng của Hiệp định này về việc họ có thể được chuyển giao theo các quy định của Hiệp định này.

2. Mỗi Bên phải thông báo bằng văn bản cho người bị kết án trong phạm vi lãnh thổ của mình về các quyết định do Bên chuyển giao hoặc Bên nhận đưa ra đối với yêu cầu chuyển giao theo quy định tại Điều 6 của Hiệp định này.

Điều 9

Sự đồng ý của người bị kết án và việc xác minh sự đồng ý

1. Bên chuyển giao phải bảo đảm rằng người bị kết án hoặc đại diện theo pháp luật của người đó tự nguyện đồng ý với việc chuyển giao với nhận thức đầy đủ về các hệ quả pháp lý và xác nhận về nhận thức đó trong văn bản thể hiện rõ sự đồng ý với việc chuyển giao.

2. Khi Bên nhận yêu cầu, Bên chuyển giao phải tạo điều kiện cho Bên nhận xác minh việc người bị kết án đã bày tỏ sự đồng ý phù hợp với các điều kiện quy định tại khoản trên của Điều này thông qua một công chức được chỉ định.

Điều 10

Chuyển giao người bị kết án

Khi đã đạt được sự thống nhất về việc chuyển giao người bị kết án, các Bên sẽ quyết định thời gian, địa điểm và các thủ tục để chuyển giao người bị kết án thông qua tham vấn.

Điều 11

Thi hành hình phạt

1. Sau khi nhận được người bị kết án, Bên nhận sẽ, phù hợp với quy định của pháp luật quốc gia, tiếp tục thi hành hình phạt theo đúng loại và thời hạn của hình phạt được Bên chuyển giao tuyên.

2. Nếu tính chất và thời hạn của hình phạt mà Bên chuyển giao đã tuyên không tương thích với pháp luật quốc gia của Bên nhận thì Bên nhận có thể chuyển đổi thành hình phạt theo quy định pháp luật quốc gia đối với tội phạm tương tự. Trong trường hợp chuyển đổi:

(a) Bên nhận phải bị ràng buộc bởi các tình tiết đã được chỉ rõ trong bản

án của Bên chuyển giao;

(b) Bên nhận không được chuyển đổi hình phạt tù thành hình phạt tiền;

(c) Khi chuyển đổi hình phạt, Bên nhận phải bảo đảm tương ứng nhất có thể về bản chất với hình phạt của Bên chuyển giao;

(d) Khi chuyển đổi hình phạt, Bên nhận phải không làm tăng nặng hình phạt của Bên chuyển giao cũng như vượt quá thời hạn tối đa của hình phạt có thể áp dụng đối với một tội phạm tương tự theo quy định pháp luật quốc gia của Bên nhận;

(e) Việc chuyển đổi hình phạt không bị ràng buộc bởi thời hạn tối thiểu của hình phạt có thể áp dụng đối với một tội tương tự được quy định trong pháp luật quốc gia của Bên nhận; và

(f) Thời hạn tù đã chấp hành trên lãnh thổ của Bên chuyển giao sẽ được tính là một phần của hình phạt tù.

3. Trường hợp chuyển đổi hình phạt theo quy định tại khoản 2 của Điều này, Bên nhận phải chuyển ngay một bản sao các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi hình phạt đó cho Bên chuyển giao.

4. Bên nhận có quyền giảm án hoặc tạm tha có điều kiện cho người bị kết án phù hợp với pháp luật quốc gia.

Điều 12

Bảo lưu thẩm quyền xét xử

1. Bên chuyển giao có quyền bảo lưu thẩm quyền sửa đổi hoặc hủy bỏ hình phạt mà tòa án nước mình đã tuyên.

2. Bên nhận phải thay đổi hoặc chấm dứt việc thi hành hình phạt ngay khi nhận được bất cứ quyết định nào của Bên chuyển giao dẫn đến việc sửa đổi hoặc hủy bỏ bản án đã được toà án của Bên chuyển giao tuyên theo quy định của Điều này.

Điều 13

Đặc xá hoặc đại xá

Theo pháp luật quốc gia, mỗi Bên có thể đặc xá hoặc đại xá cho người bị kết án đã được chuyển giao và phải thông báo ngay cho Bên kia về quyết định

của mình.

Điều 14

Thông báo về việc thi hành hình phạt

Bên nhận sẽ thông báo cho Bên chuyển giao về việc thi hành hình phạt trong những trường hợp sau:

(a) Khi việc thi hành bản án kết thúc;

(b) Khi người bị kết án đã bỏ trốn khỏi nơi giam giữ hoặc chết trước khi kết thúc việc thi hành hình phạt;

(c) Khi Bên chuyển giao yêu cầu một bản báo cáo cụ thể.

Điều 15

Quá cảnh

1. Khi một Bên hợp tác với nước thứ ba về việc chuyển giao người bị kết án đi qua lãnh thổ của Bên kia thì phải gửi yêu cầu chính thức để được cho phép quá cảnh.

2. Nếu việc chuyển giao bằng đường hàng không và không có lịch trình hạ cánh xuống lãnh thổ của Bên kia thì không cần phải xin phép quá cảnh.

3. Miễn là không trái với pháp luật quốc gia, Bên được yêu cầu sẽ chấp nhận yêu cầu quá cảnh của Bên yêu cầu.

Điều 16

Ngôn ngữ

Yêu cầu chuyển giao người bị kết án và các tài liệu hoặc thông tin trao đổi phục vụ việc chuyển giao sẽ được gửi kèm theo một bản dịch sang ngôn ngữ chính thức của Bên kia hoặc tiếng Anh. Trường hợp người bị kết án có đơn kiến nghị thì đơn này có thể được trình bày bằng ngôn ngữ người đó sử dụng.

Điều 17

Giá trị pháp lý của tài liệu

Để thực hiện Hiệp định này, bất kỳ tài liệu nào được gửi trực tiếp qua Cơ

quan trung ương của một trong các Bên được ký và đóng dấu chính thức sẽ được sử dụng trong lãnh thổ của Bên kia mà không cần làm các thủ tục chứng thực hoặc chứng nhận lãnh sự hoặc hợp pháp hóa lãnh sự.

Điều 18

Chi phí

1. Bên nhận sẽ chịu các chi phí sau:

(a) Chuyển giao người bị kết án, trừ những chi phí phát sinh hoàn toàn trên lãnh thổ của Bên chuyển giao; và

(b) Tiếp tục thi hành hình phạt sau khi chuyển giao.

2. Các chi phí liên quan đến việc quá cảnh sẽ do Bên đã yêu cầu cho phép quá cảnh chịu.

Điều 19

Giải quyết bất đồng

Bất kỳ bất đồng nào nảy sinh trong việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua tham vấn giữa các Bên. Trường hợp các Bên không đạt được thỏa thuận thì bất đồng sẽ giải quyết thông qua kênh ngoại giao.

Điều 20

Sửa đổi và bổ sung

Với sự đồng ý của các Bên, việc sửa đổi, bổ sung có thể được thực hiện đối với Hiệp định này. Các sửa đổi, bổ sung này là một phần không thể tách rời của Hiệp định này và được làm thành các nghị định thư riêng biệt có hiệu lực theo quy định khoản 1 Điều 21 của Hiệp định này.

Điều 21

Hiệu lực thi hành và chấm dứt hiệu lực của Hiệp định

1. Hiệp định này phải được phê chuẩn và sẽ có hiệu lực sau ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được thông báo sau cùng bằng văn bản về việc phê chuẩn đó thông qua kênh ngoại giao.

2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn và tiếp tục có hiệu lực cho đến ngày thứ một trăm tám mươi (180) kể từ ngày một trong các Bên nhận được thông báo của Bên kia bằng văn bản qua kênh ngoại giao về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

Việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định không ảnh hưởng đến các thủ tục chuyển giao đã bắt đầu trước khi Hiệp định chấm dứt hiệu lực.

3. Hiệp định này cũng sẽ có hiệu lực áp dụng đối với việc chuyển giao những người bị kết án phạt tù mà bản án được áp dụng trước khi Hiệp định này có hiệu lực.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người có tên sau, được ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

HIỆP ĐỊNH NÀY ĐƯỢC LÀM thành hai (02) bản tại Hà Nội ngày 21 tháng 8 năm 2023, bằng tiếng Việt, tiếng Ca-dắc và tiếng Anh, các bản có giá trị như nhau. Trường hợp có sự khác nhau giữa các văn bản Hiệp định, các Bên sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT NƯỚC CỘNG HÒA CA-DẮC-XTAN
Đại tướng Tô Lâm Bộ trưởng Bộ Công an	Ông Murat Nurtleu Phó Thủ tướng Bộ trưởng Ngoại giao

TREATY
ON THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS BETWEEN THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM AND THE REPUBLIC OF KAZAKHSTAN

The Socialist Republic of Viet Nam and the Republic of Kazakhstan (hereinafter referred to as "the Parties"),

On the basis of mutual respect for sovereignty and equality,

In accordance with the international treaties to which both States are parties,

Desiring to strengthen judicial cooperation between the two States,

In order to have sentenced persons to serve their sentences in their countries of nationality to facilitate their reintegration into society,

Have agreed as follows:

Article 1
Definitions

For the purpose of the realization of this Treaty, the following definitions are used:

(a) "Transferring Party" means the Party from which the sentenced person may be, or has been, transferred;

(b) "Receiving Party" means the Party to which the sentenced person may be, or has been, transferred;

(c) "Sentenced Person" means the person sentenced to a fixed term of imprisonment or life imprisonment according to the final judgment imposed by a court of either Party.

Article 2

General provisions

The Parties may, in accordance with the provisions of this Treaty, transfer to each other sentenced persons to execute the sentences imposed by the Transferring Party in the territory of the Receiving Party.

Article 3

Central Authorities

1. For the purpose of this Treaty, the Parties shall communicate with each other directly through the Central Authorities designated therefore.

2. The Central Authorities referred to in the Paragraph 1 of this Article shall be the Ministry of Public Security for the Socialist Republic of Viet Nam and the Prosecutor General's Office for the Republic of Kazakhstan. Should either Party change its designated Central Authorities or transfer of their functions to the other State Authorities, it shall notify the other Party of such changes in written form by diplomatic channels.

Article 4

Conditions for transfer

1. A sentenced person may be transferred only if:

(a) the sentenced person is a national of the Receiving Party;

(b) the person is sentenced for actions which also constitute a crime according to the national legislation of the Receiving Party;

(c) when the request for transfer is received, the sentence imposed against the sentenced person has come into effect and the period of time remained to be served by the sentenced person is at least one year;

(d) the judgment against the sentenced person has come into effect and there are no more criminal procedures against such person in the Transferring Party;

(e) the transfer is consented to in written form by the sentenced person, or by the person's legal representative in view of the sentenced person's age, physical or mental condition; and

(f) both Parties agree to the transfer.

2. In exceptional cases, the Parties may agree to the transfer of the sentenced person even if the period of time remained to be served by the sentenced person is less than that as specified in the Paragraph 1(c) of this Article.

Article 5

Refusal to transfer

1. The transfer of the sentenced person may be refused if:

(a) one Party determines that the transfer would damnify its sovereignty, security or public order, or is contrary to the fundamental principles of its national legislation;

(b) other civil or administrative proceedings are pending against the sentenced person in the territory of the Transferring Party;

(c) the punishment cannot be executed in the territory of the Receiving Party by a reason of the statute of limitations.

2. Each Party may determine at its discretion whether or not to agree to the transfer requested by the other Party other than the circumstances provided in the Paragraph 1 of this Article.

3. Refusal of the transfer shall be motivated and grounds for refusal shall be communicated to the other Party.

Article 6

Request and reply

1. A sentenced person or his or her legal representative may apply to the either Party for a transfer according to this Treaty. The Party, which has received such an application, shall notify the other Party about it in written form.

2. A request for transfer of the sentenced person may be made by either Party. The requested Party shall promptly inform the requesting Party of its decision about whether or not to agree to the requested transfer.

3. Requests and replies on the transfer of the sentenced person shall be made in written form.

Article 7

Required documents

1. In case of a request for transfer made by one Party and unless it has been refused by the other Party, the Transferring Party shall provide the Receiving Party with the following data:

(a) date and place of the request;

(b) the reason for the request on transfer of the sentenced person;

(c) the name and address of the requesting authority;

(d) the name and address of the requested authority;

(e) full name, gender, date and place of birth, nationality and the last place of permanent residence of the sentenced person who is requested for transfer.

2. In addition to the request for transfer of the sentenced person, it shall be accompanied by:

(a) a certified copy of the sentence, that came into effect, including relevant provisions of national legislation on which it is based;

(b) data indicating the type and term of punishment and the date of its commencement;

(c) data on served and to be served parts of the punishment, including pretrial detention, and data on changing the sentence and other data relevant to the enforcement of the sentence;

(d) written consent to the transfer, which is specified in the Paragraph 1(e) of Article 4 of this Treaty;

(e) information indicating state of health of the sentenced person;

(f) data describing the behavior of the person during the serving of the sentence;

(g) documents substantiating that the sentenced person is in compliance with the conditions set forth in Article 4 of this Treaty;

(h) documents with characteristics and photograph of the sentenced person requested for transfer.

3. The Receiving Party shall provide the Transferring Party with the following documents:

(a) documents certifying that the sentenced person is a national of the Receiving Party;

(b) articles of the law of the Receiving Party indicating that the crime for which the sentence was passed against the sentenced person is criminally liable;

(c) data on procedures of enforcement of the sentence passed by the Transferring Party under the national legislation of the Receiving Party.

Article 8

Notification to the sentenced person

1. Each Party shall, within its territory, notify sentenced persons, to whom the Treaty is applicable, that they may be transferred in accordance with the provisions of this Treaty.

2. Each Party shall notify in written form the sentenced persons within its territory of the decisions made by the Transferring Party or the Receiving Party upon the request for transfer in accordance with Article 6 of this Treaty.

Article 9

Consent of the sentenced person and its verification

1. The Transferring Party shall ensure that the sentenced person or his or her legal representative voluntarily gives consent to the transfer with full knowledge of its legal consequences and confirms such knowledge in the declaration of consent to the transfer.

2. Where the Receiving Party requests, the Transferring Party shall afford an opportunity to the Receiving Party to verify through a designated official that the sentenced person has expressed consent for transfer in accordance with the conditions set out in the Paragraph above of this Article.

Article 10

Transfer of the sentenced person

Where an agreement is reached on the transfer, the Parties shall determine the time, place and procedure for the transfer of the sentenced person through consultations.

Article 11

Enforcement of the sentence

1. After receiving the sentenced person, the Receiving Party shall, in accordance with its national legislation, continue to enforce the sentence imposed by the Transferring Party pursuant to the type and the duration of the sentence as determined by the Transferring Party.

2. If the nature and duration of the sentence as determined by the Transferring Party are incompatible with the national legislation of the Receiving Party, the Receiving Party may adapt the sentence to the penalty prescribed by its national legislation for a similar criminal offence. In case of such an adaptation:

(a) the Receiving Party shall be bound by the recognition of the facts indicated in the judgment of the Transferring Party;

(b) the Receiving Party is not entitled to substitute a penalty in the form of imprisonment to a pecuniary punishment;

(c) the adaptation of the sentence by the Receiving Party shall, by its nature and as far as possible, correspond with the sentence of the Transferring Party;

(d) the adaptation of the sentence by the Receiving Party shall not aggravate the sentence of the Transferring Party, nor exceed the maximum duration of penalty applicable to a similar offence prescribed by the national legislation of the Receiving Party;

(e) the adaptation of the sentence is not bound by the minimum duration of penalty applicable to a similar offence prescribed by the national legislation of the Receiving Party; and

(f) the term of imprisonment served in the territory of the Transferring Party shall be counted as a term of imprisonment.

3. In case adaptation of the sentence in accordance with the Paragraph 2 of this Article, the Receiving Party shall promptly transmit a copy of the legal document on the adaptation of the sentence to the Transferring Party.

4. The Receiving Party has a right to apply to the sentenced person reduction of sentence or parole in accordance with its national legislation.

Article 12

Retention of jurisdiction

1. The Transferring Party has a right to retain jurisdiction for modification or cancellation of the sentences passed by its court.

2. The Receiving Party shall promptly modify or terminate enforcement of the sentence as soon as it receives any decision from the Transferring Party in accordance with this Article that results in modification or cancellation of a judgment passed by the Transferring Party's court.

Article 13

Pardon or amnesty

Either Party may, in accordance with its national legislation, grant pardon or amnesty to the sentenced person transferred and shall promptly inform the other Party about its decision.

Article 14

Notification on enforcement of the sentence

The Receiving Party shall inform the Transferring Party of the enforcement of the sentence in the following cases:

(a) when the enforcement of the sentence is completed;

(b) when the sentenced person has escaped from custody or died before the completion of the enforcement of the punishment;

(c) when the Transferring Party requests for a specific report.

Article 15

Transit

1. When one Party is cooperating with a third country on the transfer of sentenced persons through the territory of the other Party, the former shall request the latter for the permission of such transits.

2. Such permission is not required where air transportation is used and no landing in the territory of the other Party is scheduled.

3. The requested Party shall, insofar as not contrary to its national legislation, grant the request for transit of the requesting Party.

Article 16

Languages

Any request, document or communication for the transfer of the sentenced person shall be accompanied by a translation into the official language of the other Party or English. In the event the petition is formulated by the sentenced person, this may be drawn up in the language he or she speaks.

Article 17

Validity of the documents

For the purpose of this Treaty, any documents directed by the Central Authority of one Party affixed with its signature and official seal shall be used in the territory of the other Party without any form of authentication or legalization or apostilization.

Article 18

Costs

1. The Receiving Party shall bear the costs of:

(a) the transfer of the sentenced person, except the expenses incurred exclusively in the territory of the Transferring Party; and

(b) the continued enforcement of the sentence after the transfer.

2. Costs connected with transits are born by the Party which requested the permission to the transit.

Article 19

Settlement of disagreements

Any disagreements arising from the interpretation or application of provisions of this Treaty shall be resolved through consultation between Parties. If the Parties are unable to reach an agreement, the disagreement shall be resolved through diplomatic channels.

Article 20

Amendments and supplements

By the mutual consent of the Parties, amendments and supplements may be made to this Treaty, which are an integral part of this Treaty and formalized by separate protocols that enter into force in accordance with the Paragraph 1 of Article 21 of this Treaty.

Article 21

Entry into force and termination

1. This Treaty is subject to ratification and shall enter into force after thirty (30) days from the date of the receipt of the last written notification of its ratification through diplomatic channels.

2. This Treaty shall be in force for an unlimited period of time and stay in force until expiry of one hundred and eighty (180) days from the date of receipt through diplomatic channels by one of the Parties of a written notification from the other Party about its intention to terminate this Treaty.

Termination of this Treaty shall not affect the transfer proceedings commenced prior to the termination.

3. The Treaty shall also be applicable to the transfer of sentenced persons against whom the judgment was imposed before its entry into force.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized to it, have signed this Treaty.

DONE in duplicate in Ha Noi on the 21st day of August 2023, in the Vietnamese, Kazakh and English languages, each text being equally authentic. In case of divergence between the texts, the Parties shall refer to the text in English.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE REPUBLIC OF KAZAKHSTAN
General To Lam Minister of Public Security	H.E, Mr. Murat Nurtleu Deputy Prime Minister Minister of Foreign Affairs

Вьетнам Социалистік Республикасы мен Қазақстан Республикасы арасындағы сотталған адамдарды беру туралы ШАРТ

Вьетнам Социалистік Республикасы мен Қазақстан Республикасы (бұдан әрі «Тараптар» деп аталады)

егемендікті және теңдікті өзара құрметтеу негізінде,

екі мемлекет қатысушылары болып табылатын халықаралық шарттарға сәйкес,

екі мемлекет арасындағы құқықтық ынтымақтастықты нығайтуға ниет білдіре отырып,

сотталған адамдардың қоғамға қайта араласуына жәрдемдесу мақсатында олардың жазаны өздері азаматы болып табылатын мемлекетте өтеуі үшін

төмендегілер туралы уағдаласты:

1-бап

Анықтамалар

Осы Шартты іске асыру мақсатында мынадай анықтамалар пайдаланылады:

(a) «Беруші Тарап» сотталған адам берілуі мүмкін немесе берілген Тарапты білдіреді;

(b) «Қабылдаушы Тарап» сотталған адам қабылдануы мүмкін немесе қабылданған Тарапты білдіреді;

(c) «сотталған адам» қандай да бірТараптың соты шығарған түпкілікті үкімге сәйкес белгіленген мерзімге бас бостандығынан айыруға немесе өмір бойы бас бостандығынан айыруға сотталған адамды білдіреді.

2-бап

Жалпы ережелер

Осы Шарттың ережелеріне сәйкес Беруші Тарап шығарған үкімдерді Қабылдаушы Тараптың аумағында орындау үшін Тараптар біріне-бірі сотталған адамдарды беруі мүмкін.

3-бап

Орталық органдар

1. Тараптар осы Шарттың мақсатында сол үшін айқындалған орталық органдар арқылы тікелей бірімен-бірі өзара іс-әрекет жасайды.

2. Вьетнам Социалистік Республикасы үшін Қоғамдық қауіпсіздік министрлігі және Қазақстан Республикасы үшін Бас прокуратура осы баптың 1-тармағында көрсетілген орталық органдар болып табылады. Кез келген Тараптың көрсетілген орталық органдары өзгерген немесе олардың функциялары басқа мемлекеттік органдарға берілген жағдайда екінші Тарапқа мұндай өзгеріс туралы дипломатиялық арналар арқылы хабарланады.

4-бап

Беру шарттары

1. Сотталған адамды беру, егер:

(a) сотталған адам Қабылдаушы Тараптың азаматы болып табылатын;

(b) адам Қабылдаушы Тараптың да ұлттық заңнамасы бойынша қылмыс болып табылатын іс-әрекеттер үшін сотталған;

(c) беру туралы сұрау салу алынған кезде сотталған адамға қатысты шығарылған үкім заңды күшіне енген және сотталған адамның жазасын өтеуге тиіс уақыт кезеңі кемінде бір жылды құрайтын;

(d) сотталған адамға қатысты үкім күшіне енген және Беруші Тарапта бұл адамға қатысты басқа қылмыстық рәсімдер болмаған;

(e) сотталған адамның немесе сотталған адам жасына, физикалық немесе психикалық жай-күйіне байланысты беруге келісім беруі мүмкін болмаған кезде оның заңды өкілінің жазбаша келісімі бар болған; және

(f) екі Тарап та беруге келіскен жағдайларда ғана жүзеге асырылуы мүмкін.

2. Айрықша жағдайларда Тараптар, егер сотталған адамның өтеуге тиіс уақыт кезеңі осы баптың 1-тармағының c) тармақшасында көрсетілгеннен кем болса да сотталған адамды беруге келісе алады.

5-бап

Беруден бас тарту

1. Егер:

(a) бір Тарап беру оның егемендігіне, қауіпсіздігіне, қоғамдық тәртібіне нұқсан келтіреді немесе оның ұлттық заңнамасының іргелі қағидаттарына қайшы келеді деп шешсе;

(b) сотталған адамға қатысты Беруші Тараптың аумағында өзге де азаматтық немесе әкімшілік процестер жүзеге асырылып жатса;

(c) ескіру мерзімі өтуі салдарынан Қабылдаушы Тараптың аумағында жазаны орындау мүмкін болмаса, сотталған адамды беруден бас тартылуы мүмкін.

2. Әрбір Тарап осы баптың 1-тармағында көзделген мән-жайларға қарамастан, екінші Тарап сұратып отырған беруге келісетінін немесе келіспейтінін өз қалауы бойынша шешуге құқылы.

3. Беруден бас тарту уәжді болуға тиіс және бас тартудың негіздері екінші Тарапқа хабарлануға тиіс.

6-бап

Сұрау салу және жауап беру

1. Осы Шартқа сәйкес сотталған адам не оның заңды өкілі беруге қатысты өтінішпен кез келген Тарапқа жүгіне алады. Мұндай өтінішті алған Тарап бұл туралы екінші Тарапты жазбаша хабардар етуге тиіс.

2. Сотталған адамды беру туралы сұрау салуды кез келген Тарап жіберуі мүмкін. Сұрау салынатын Тарап сұратылып отырған беруді қанағаттандыру немесе одан бас тарту жөніндегі шешімі туралы Сұрау салушы Тарапты дереу хабардар етеді.

3. Сотталған адамды беру туралы сұрау салулар мен жауаптар жазбаша нысанда жасалады.

7-бап
Талап етілетін құжаттар

1. Бір Тараптан беру туралы сұрау салу түскен және егер екінші Тарап одан бас тартпағанжағдайда Беруші Тарап Қабылдаушы Тарапқа мынадай мәліметтерді береді:

(a) сұрау салудың күні мен орны;

(b) сотталған адамды беру туралы сұрау салудың себебі;

(c) сұрау салатын органның атауы мен мекенжайы;

(d) сұрау салынатын органның атауы мен мекенжайы;

(e) беру үшін сұрау салынып отырған сотталған адамның Т.А.Ә., жынысы, туған күні мен туған жері, азаматтығы және соңғы тұрақты тұрғылықты жері.

2. Сотталған адамды беру туралы сұрау салуға қосымша:

(a) үкім шығаруға негіз болған ұлттық заңнаманың тиісті ережелерін қоса алғанда, заңды күшіне енген үкімнің куәландырылған көшірмесі;

(b) жазаның түрі мен мерзімі, сондай-ақ оның басталу күні көрсетілген мәліметтер;

(c) сотқа дейінгі ұстау мерзімін қоса алғанда, жаза бөліктерінің өтелген және өтелуге тиіс мерзімдері туралы мәліметтер, үкімді өзгерту туралы мәліметтер және үкімді орындауға келтіру үшін маңызы бар өзге де мәліметтер;

(d) осы Шарттың 4-бабы 1-тармағының (e) тармақшасында көзделген беруге жазбаша келісім;

(e) сотталған адамның денсаулық жағдайы туралы ақпарат;

(f) адамның жазасын өтеу кезіндегі мінез-құлқын сипаттайтын мәліметтер;

(g) сотталған адамның осы Шарттың 4-бабында жазылғанталаптарғасәйкес келетінін растайтын құжаттар;

(h) беру үшін сұрау салынып отырған сотталған адамның мінездемелері мен фотосуреті бар құжаттар бірге берілуге тиіс.

3. Қабылдаушы Тарап Беруші Тарапқа мынадай құжаттарды береді:

(a) сотталған адамның Қабылдаушы Тараптың азаматы болып табылатынын растайтын құжаттар;

(b) сотталған адамға қатысты үкім шығаруға негіз болған қылмыстың қылмыстық жазаланатын қылмыс болып табылатынын куәландыратын Қабылдаушы Тарап заңының баптары;

(c) Беруші Тарап шығарған үкімнің Қабылдаушы Тараптың ұлттық заңнамасы бойынша орындалу тәртібі туралы мәліметтер.

8-бап

Сотталған адамды хабардар ету

1. Әрбір Тарап өз аумағында осы Шарт қолданылатын сотталған адамдарды олардың осы Шарттың ережелеріне сәйкес берілуі мүмкін екендігі туралы хабардар етеді.

2. Әрбір Тарап өз аумағындағы сотталғандарды осы Шарттың 6-бабында көзделген беру туралы сұрау салу бойынша Беруші немесе Қабылдаушы Тараптар қабылдаған шешімдер туралы жазбаша нысанда хабардар етеді.

9-бап

Сотталған адамның келісім беруі және оны растау

1. Беруші Тарап сотталған адамның не оның заңды өкілінің берудің құқықтық салдарын толық түсіне отырып, өз еркімен оғанкелісім беретініне және оны беруге келісім беру туралы өтінішпен растайтынына кепілдік береді.

2. Беруші Тарап Қабылдаушы Тараптың сұрау салуы бойынша Қабылдаушы Тарапқа сотталған адамның осы баптың алдыңғы тармағының талаптарына сәйкес беруге өз келісімін білдіргеніне уәкілетті тұлға арқылы көз жеткізуге мүмкіндік береді.

10-бап
Сотталған адамды беру

Беру туралы келісімге қол жеткізілген жағдайда Тараптар консультациялар арқылы сотталған адамды беру уақытын, орнын және тәртібін айқындайды.

11-бап
Үкімді орындау

1. Қабылдаушы Тарап сотталған адамды алғаннан кейін Беруші Тарап айқындаған жазаның түрі мен мерзіміне сәйкес Беруші Тарап шығарған үкімді өзінің ұлттық заңнамасына сәйкес орындауды жалғастырады.

2. Егер Беруші Тарап айқындаған үкім бойынша жазаны өтеудің сипаты мен мерзімі Қабылдаушы Тараптың ұлттық заңнамасымен үйлеспейтін болып табылса, Қабылдаушы Тарап өзінің ұлттық заңнамасында осыған ұқсас қылмыс үшін көзделген жазалау шарасын тағайындай отырып, үкімді өзгертуге құқылы. Мұндай өзгерту болған жағдайда:

(a) Қабылдаушы Тарап Беруші Тараптың үкімінде қамтылған фактілерді мойындауға міндетті;

(b) Қабылдаушы Тарап бас бостандығынан айыру түріндегі жазаны ақшалай өндіріп алу жазасына ауыстыруға құқылы емес;

(c) Қабылдаушы Тараптың үкімді өзгертуі өзінің мәні бойынша және мүмкін болғанынша Беруші Тараптың үкіміне сәйкес келуге тиіс;

(d) Қабылдаушы Тараптың үкімді өзгертуі Беруші Тараптың үкімін ауырлатпауға және Қабылдаушы Тараптың ұлттық заңнамасында соған ұқсас қылмыс үшін көзделген жазаның ең көп мерзімінен аспауға тиіс;

(e) үкімді өзгерту Қабылдаушы Тараптың ұлттық заңнамасы бойынша соған ұқсас қылмысқа қолданылатын жазаның ең қысқа мерзімімен шектелмеуге тиіс; және

(f)Беруші Тараптың аумағындағы өтелген мерзім бас бостандығынан айыру түріндегі жаза мерзіміне есептеледі.

3. Үкім осы баптың 2-тармағына сәйкес өзгертілген жағдайда Қабылдаушы Тарап үкімді өзгерту туралы ресми құжаттың көшірмесін Беруші Тарапқа дереу беруге тиіс.

4. Қабылдаушы Тарап өзінің ұлттық заңнамасына сәйкес сотталған адамның жазасын өтеу мерзімін қысқартуға немесе оны шартты түрде мерзімінен бұрын босатуға құқылы.

12-бап

Юрисдикцияның сақталуы

1. Беруші Тараптың өзінің соты шығарған үкімдерді өзгерту немесе олардың күшін жою үшін юрисдикцияны сақтауға құқығы бар.

2. Қабылдаушы Тарап осы бапқа сәйкес Беруші Тараптың соты шығарған үкімдіөзгертуге немесе оның күшін жоюға алып келетін Беруші Тараптан кез келген шешімді алғаннан кейін үкімнің орындалуын дереу өзгертеді немесе күшін жояды.

13-бап

Кешірім жасау және рақымшылық

Әрбір Тарап өзінің ұлттық заңнамасына сәйкес берілген сотталған адамға қатысты кешірім жасау актісін немесе рақымшылық жасауды екінші Тарапты өзінің шешімі туралы дереу хабардар ете отырып, қолдануға құқылы.

14-бап

Үкімнің орындалуы туралы хабар беру

Қабылдаушы Тарап Беруші Тарапқа үкімнің орындалуы туралы мынадай жағдайларда:

(a) үкім орындалғанда;

(b) сотталған адам күзетпен ұстаудан жасырынғанда немесе жазаны өтеу мерзімі аяқталғанға дейін қайтыс болғанда;

(c) Беруші Тарап арнайы хабарлауды талап еткенде хабар береді.

15-бап

Транзит

1. Бір Тарап үшінші елмен ынтымақтаса отырып, екінші Тараптың аумағы арқылы сотталған адамдардың транзитін жүзеге асырған жағдайда бірінші Тарап соңғысына осындай транзиттерге рұқсат алуға сұрау салу жібереді.

2. Әуе көлігі пайдаланылған және екінші Тарап аумағында қону жоспарланбаған жағдайда мұндай рұқсат алу талап етілмейді.

3. Сұрау салынатын Тарап Сұрау салушы Тараптың транзит туралы сұрау салуын, егер бұл оның ұлттық заңнамасына қайшы келмесе,қанағаттандырады.

16-бап

Тілдер

Сотталған адамды беру бойынша кез келген сұрау салу, құжат немесе хат-хабар екінші Тараптың ресми тіліндегі немесе ағылшын тіліндегі аудармасымен бірге беріледі. Егер өтінішхатты сотталған адам берсе, онда ол осыадам меңгерген тілде жасалуы мүмкін.

17-бап

Құжаттардың жарамдылығы

Осы Шарттың мақсаттарына қол жеткізу үшін бір Тараптың орталық органының қолтаңбасы қойылып және елтаңбалы мөрімен бекемделіп жолданған кез келген құжаттар екінші Тараптың аумағында растаудың, заңдастырудың немесе апостиль қоюдың кез келген нысанынсыз пайдаланылады.

18-бап

Шығыстар

1. Қабылдаушы Тарап:

(а) тек Беруші Тараптың аумағында ғана жұмсалған шығыстардан басқа, сотталған адамды тасымалдауға байланысты; және

(b) беруден кейін үкімді орындауды жалғастыруға байланысты шығыстарды көтереді.

2. Транзиттік тасымалдауға байланысты шығыстарды транзиттік тасымалдауға рұқсат алу туралы өтінішпен жүгінген Тарап көтереді.

19-бап

Дауларды реттеу

Осы Шарттың ережелерін түсіндіруге немесе қолдануға байланысты кез келген келіспеушіліктер Тараптар арасында консультациялар өткізу арқылы шешіледі.Егер Тараптар келісімге қол жеткізе алмаса, келіспеушіліктер дипломатиялық арналар арқылы шешіледі.

20-бап

Өзгерістер мен толықтырулар

Тараптардың өзара келісуі бойынша осы Шартқа оның ажырамас бөлігі болып табылатын және осы Шарттың 21-бабының 1-тармағына сәйкес күшіне енетін жекелеген хаттамалармен ресімделетін өзгерістер мен толықтырулар енгізілуі мүмкін.

21-бап

Күшіне енуі және тоқтатылуы

1. Осы Шарт ратификациялауға жатады және оны ратификациялау туралы соңғы жазбаша хабарлама дипломатиялық арналар арқылы алынған күннен бастап отыз (30) күн өткен соң күшіне енеді.

2. Осы Шарт белгіленбеген мерзімге жасалады және Тараптардың бірі екінші Тараптың осы Шарттың қолданысын тоқтату ниеті туралы жазбаша хабарламасын дипломатиялық арналар арқылы алған күннен бастап бір жүз сексен (180) күн өткенге дейін күшінде болады.

Осы Шарттың қолданысын тоқтату оның тоқтатылуына дейін басталған беру бойынша рәсімдерге әсер етпейді.

3. Осы Шарт ол күшіне енгенге дейін өздеріне қатысты үкімдер шығарылған сотталған адамдарды беруге де қолданылады.

ОСЫНЫ КУӘЛАНДЫРУ ҮШІН тиісінше уәкілеттік берілген төменде қол қоюшылар осы Шартқа қол қойды.

2023 жылғы Ханой қаласында әрқайсысы вьетнам,қазақжәне ағылшын тілдерінде екі данада жасалды әрі барлық мәтіндердің күші бірдей. Мәтіндер арасында алшақтықтар болған жағдайда Тараптар ағылшын тіліндегі мәтінге жүгінеді.

ВЬЕТНАМ СОЦИАЛИСТІК РЕСПУБЛИКАСЫ ҮШІН

То Лам - Вьетнам Социалистік Республикасының Қоғамдық қауіпсіздік министрі

ҚАЗАҚСТАН РЕСПУБЛИКАСЫ ҮШІН

Мұрат Әбуғалиұлы Нұртілеу
ҚР Премьер-Министрінің орынбасары
Сыртқы істер министрі

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng